

CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM

DANH MỤC SẢN PHẨM ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF APPROVED PRODUCT

Từ ngày: 05/02/2020

Đến ngày: 05/02/2025

Loại hình công nhận: , CWA, CTA, CDA

Nhóm sản phẩm: Vật liệu phi kim

Loại sản phẩm:

Số TT <i>No.</i>	Sản phẩm <i>Product</i>	Cơ sở chế tạo <i>Manufacturer</i>	Đặc tính <i>Specifications</i>	Số GCN/ Certificate No Ngày cấp/ Date of issue Ngày hết hạn/ Expiry Date Ngày ĐGCK/ Period Date	Loại hình công nhận <i>Approval Mode</i>
Vật liệu phi kim/ Nonmetallic materials					
1	BẠC TRỤC CHÂN VỊT BĂNG CAO SU ĐÚC/ Rubber stern tube bearing	Công ty TNHH Cao su kỹ thuật Minh Tuệ Địa chỉ: Số 116 Nguyễn Văn Cừ, KV4, Phường An Bình, Quận Ninh Kiều, TP.Cần Thơ Minh Tue technical rubber Co.,Ltd Address: No.116 Nguyen Van Cu, KV4, An Binh, Ninh Kieu, Can Tho City.	Kiểu/ Type: Bạc cao su bôi trơn bằng nước/Water-Lubricated rubber bearings Vật liệu chế tạo bạc/ Bearing material: Hỗn hợp cao su đúc. Vật liệu chế tạo vỏ bạc/ Shell bearing material: Ống đồng thau đúc liền H3300, C2800, ½ H; Composite. Đường kính trong/ Inner diameter: 44,45 ÷ 450,00 mm Đường kính ngoài/ outside diameter: 66,68 ÷ 560,00 mm	00655/21CN01.WA 23/08/2021 05/08/2026 23/02/2024	CWA

Số TT No.	Sản phẩm Product	Cơ sở chế tạo Manufacturer	Đặc tính Specifications	Số GCN/ Certificate No Ngày cấp/ Date of issue Ngày hết hạn/ Expiry Date Ngày ĐGCK/ Period Date	Loại hình công nhận Approval Mode
2	BẠC TRỤC CHÂN VỊT BẰNG CAO SU ĐÚC/ Rubber stern tube bearing	Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Anh Trí Tuệ Địa chỉ: Số 95A Lê Hồng Phong, Phường Trà An, Quận Bình Thủy, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam Anh Tri Tue Production and Trade Company Limited Address: No.95A Le Hong Phong Street, Tra An Ward, Binh Thuy District, Can Tho City, Vietnam	Kiểu/ Type: Bạc cao su bôi trơn bằng nước/Water-Lubricated rubber bearings. Vật liệu chế tạo bạc/ Bearing material: Hỗn hợp cao su đúc/ Synthetic ruber. Vật liệu chế tạo vỏ bạc/ Shell bearing material: Ống đồng thau đúc liền; Composite/ Brass tube; Composite. Đường kính trong/ Inner diameter: 44,00÷476,50 mm Đường kính ngoài/ outside diameter: 66,00÷562,95 mm	00609/24CT01.WA 22/05/2024 22/05/2029 22/11/2026	CWA
3	Vật liệu bạc Polyme/ Polymeric marine bearing material Biaolong	Shandong Wantong Marine Engineering Co.,Ltd Địa chỉ: No. 17, Jiahe Road, Jiaming Economic Development Zone, Dongchangfu Dist., Liaocheng, Shandong, China Shandong Wantong Marine Engineering Co.,Ltd Address: No. 17, Jiahe Road, Jiaming Economic Development Zone, Dongchangfu Dist., Liaocheng, Shandong, China	Vật liệu/ Material: Polymer Kiểu/ Type: Biaolong-IVA Tỷ trọng/ Density: 1.13 ÷ 1.70 g/cm³ Kích thước (Đường kính ngoài x đường kính trong x chiều dài)/ Diamention (outside dia. x inside dia. x length): External Dimension: Max Ø1150 x 1500 mm Độ cứng/ Hardness: ≥70 Shore D	00472/23CN02.WA 03/07/2023 30/06/2028 03/01/2026	CWA

Số TT No.	Sản phẩm Product	Cơ sở chế tạo Manufacturer	Đặc tính Specifications	Số GCN/ Certificate No Ngày cấp/ Date of issue Ngày hết hạn/ Expiry Date Ngày ĐGCK/ Period Date	Loại hình công nhận Approval Mode
4	Vật liệu bạc/ Marine Bearing Material Johnson Cutless Bearings	DURAMAX MARINE LLC Địa chỉ: 17990 Great Lakes Parkway, Hiram, Ohio 44234, USA DURAMAX MARINE LLC Address: 17990 Great Lakes Parkway, Hiram, Ohio 44234, USA	Kiểu/ Type: Johnson Cutless bearings. Brass Sleeve Type, Non-Metallic Sleeve Type and Brass Flanged Type Rubber Bearings, Water Lubricated. Công dụng/ Application: Marine Applications - Support of Propeller and Propeller Shaft, to be fitted in Vessel's Strut and Stern Tube. Cylindrical Bearings, with cylindrical shaped metal backing and internally molded rubber - Fully Molded Type Rubber - lined Naval Brass Sleeve/Non-Metallic Sleeve/ Naval Brass Flanged, Bearing Components, Bonded Synthetic Rubber. Kích thước/ Dimension: Brass Sleeve Type, Shaft sizes ¾" to 16"; Solid Brass Flanged Type for Strut or Aft Stern Tube, Shaft sizes 2" to 25"; Split Brass Flanged Type for Strut or Aft Stern Tube, Shaft sizes 2" to 25"; Solid Brass Flanged Type for Forward Stern Tube, Shaft sizes 2" to 25"; Split Brass Flanged Type for Forward Stern Tube, Shaft sizes 2" to 25"; Non-Metallic Sleeve Type for Shaft sizes ¾" to 16"; Metric Brass Sleeve Type for Shaft sizes 19 mm to 406 mm; Metric Non-Metallic Type for Shaft sizes 19 mm to Kiểu bôi trơn/ Lubricants: Water Lubricated Bearings. Lắp đặt/ Installation: Bearings are to be installed in accordance with the manufacturer's recommendations. The length of bearing, next to and supporting the propeller, is to be not less than four times the required tail-shaft diameter as per 6.2.10, Part 3 of the QCVN 21: 2015/BGTVT	02468/24SG01.WA 19/08/2024 19/08/2029 19/02/2027	CWA

Số TT <i>No.</i>	Sản phẩm <i>Product</i>	Cơ sở chế tạo <i>Manufacturer</i>	Đặc tính <i>Specifications</i>	Số GCN/ Certificate No Ngày cấp/ Date of issue Ngày hết hạn/ Expiry Date Ngày ĐGCK/ Period Date	Loại hình công nhận <i>Approval</i> <i>Mode</i>
5	Vật liệu bạc/ Marine Bearing Material Duramax DuraBlue	DURAMAX MARINE LLC Địa chỉ: 17990 Great Lakes Parkway, Hiram, Ohio 44234, USA DURAMAX MARINE LLC Address: 17990 Great Lakes Parkway, Hiram, Ohio 44234, USA	Kiểu/ Type: Duramax DuraBlue Công dụng/ Application: Marine and Offshore Applications; For use as rudder bushing, thrust washers, steering gear, stern tube bearing. Virtually no swelling in seawater, High strength-to-weight ration, self-lubricating formulation for dry running, Proprietary fiber matrix extending wear life, very low thermal coefficient of expansion. Kích thước/ Dimension: Rudder Stock, Pintles, Steering Gear Bushings, stern tubes: Diameter: 25mm to 1070mm (1" to 42") Thrust Washers and Wear Pads Thickness: 1/8" to 3"; and for Bearing next to Propeller, the Length (L) not to be less than 2.0 times the required Tail Shaft Diameter as per the Rule Requirements. Áp lực bề mặt lớn nhất cho phép/ The max.permissible bearing surface pressure: 2176 psi (15 N/mm2) Kiểu bôi trơn/ Lubricants: Water Lubricated Bearings.	02468/24SG02.WA 19/08/2024 19/08/2029 19/02/2027	CWA